

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Đức Hưng.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Châu Văn Tr, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Lê Thị Ch, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2017, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa bà Lê Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 1995, bà và ông Tr thành hôn và chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà và ông Tr thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm ngày càng trầm trọng, có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Bà và ông Tr đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay. Bà xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông Tr. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông Tr, nay bà cương quyết ly hôn ông Tr.

Về con chung: Có 02 người con, người con thứ nhất tên Châu Trung H (giới tính nam), sinh ngày 30/10/1996, người con thứ hai tên Châu Hiếu Ngh (giới tính nam), sinh ngày 27/02/2001. Hai người con hiện đang sống với bà H. Đối với Châu Trung H đã thành niên, có sức khỏe bình thường và tự lao động sinh sống, nên không có yêu cầu gì; Đối với Châu Hiếu Ngh chưa thành niên, thì nay bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà, 01 tủ ly bằng gỗ, 01 bộ ly quăng, nay bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tài sản trên, nay bà tự thỏa thuận phân chia với ông Tr, không yêu cầu giải quyết. Đối với nền nhà mượn của bà Lê Thị Ch, nay bà và bà Ch không có tranh chấp, nên bà yêu cầu tự thỏa thuận với và bà Ch.

Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2018 ông Châu Văn Tr trình bày:* Ông thống nhất với phần trình bày của bà H về thời gian chung sống với nhau và không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đúng như bà H trình bày, đã qua không thể hòa giải đoàn tụ được, ông và bà H không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay, nay ông đồng ý ly hôn bà H.

Về con chung: Đúng như bà H trình bày, đối với Châu Trung H đã thành niên, có sức khỏe bình thường và tự lao động sinh sống, nên ông không có yêu cầu gì; Đối với Châu Hiếu Ngh chưa thành niên, thì nay ông thống nhất giao cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông thống nhất tự thỏa thuận phân chia với bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với nền nhà mượn của bà Lê Thị Ch, ông không tranh chấp với bà H và bà Ch, vì ông đã thỏa thuận giao căn nhà cho bà H quản lý, nên đối với nền nhà thì tự bà H và bà Ch thỏa thuận với nhau, ông không có ý kiến.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 15/12/2017 bà Lê Thị Ch trình bày:* Năm 1996, bà có cho con là Lê Thị H và con rể là Châu Văn Tr mượn phần đất để cất nhà sinh sống, phần đất có diện tích 17.800 m<sup>2</sup> tại ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau, việc cho mượn chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Nay bà tiếp tục cho bà H mượn ở trên phần đất, khi nào bà H không ở thì trả đất lại cho bà, bà không yêu cầu gì khác. Do bà bị bệnh, sức khỏe yếu nên xin vắng mặt suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Châu Văn Tr và bà Lê Thị Ch đã xin vắng mặt, không tham gia tố tụng tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Tr và bà Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 1995, bà H và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của bà H và ông Tr đã vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà H và ông Tr là không hợp pháp, nay xét không công nhận bà H và ông Tr là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đối với Châu Trung H hiện tại đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng tự lao động sinh sống, nên không đặt ra xem xét. Đối với Châu Hiếu Ngh đang chung sống với bà H. Đồng thời Châu Hiếu Ngh cũng có nguyện vọng được chung sống với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Ngh. Để ổn định tâm sinh lý, sinh hoạt và học tập cũng như tâm tư tình cảm của Châu Hiếu Ngh. Nay xét nên giao Châu Hiếu Ngh cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế.

Bà H không yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà H và không trái pháp luật, nay xét ghi nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Bà Lê Thị H rút lại yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, để bà và ông Tr tự thỏa thuận phân chia, nên đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện trên theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Đối với nền đất ở, ông Tr và bà H mượn của bà Ch, các đương sự không có tranh chấp, không có yêu cầu gì. Nếu có phát sinh tranh chấp thì bà Ch có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do bà H rút lại yêu cầu khởi kiện về tài sản, nên bà H được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 217 và 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các Điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Châu Văn Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Châu Hiếu Ngh (giới tính nam), sinh ngày 27/02/2001 cho bà Lê Thị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H là không yêu cầu ông Châu Văn Tr cấp dưỡng nuôi con.

Ông Châu Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của bà Lê Thị H.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng. Bà Lê Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 581.000 đồng, theo biên lai thu tiền số

0006832 ngày 07/12/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí. Bà Lê Thị H được hoàn lại 281.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Đồi**